

Số: /SYT-KHTC
V/v xây dựng kế hoạch công
tác y tế năm 2023

An Giang, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Các đơn vị y tế trực thuộc tuyến tỉnh, huyện.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Y tế tỉnh An Giang từ năm 2015 đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1938/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 48-KH/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”;

Căn cứ Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 49-KH/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về Công tác dân số trong tình hình mới”;

Thực hiện Công văn số 605/UBND-TH ngày 06/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc hướng dẫn các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh xây dựng kế hoạch phát triển ngành năm 2023;

Để chủ động triển khai xây dựng kế hoạch công tác y tế năm 2023, tạo tiền đề hoàn thành các chỉ tiêu được giao trong giai đoạn 2021 - 2025, Sở Y tế đề nghị các đơn vị thực hiện nội dung sau:

1. Rà soát, nghiên cứu xây dựng Kế hoạch công tác y tế năm 2023 của đơn vị theo mẫu Đề cương (đính kèm phụ lục 1).

2. Riêng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình: căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình, rà soát, hoàn chỉnh thêm số liệu các chỉ tiêu tại bảng phụ lục 2.

Nội dung kế hoạch gửi về Sở Y tế (Phòng Kế hoạch – Tài chính), kèm file mềm về địa chỉ email: pmthu@angiang.gov.vn trước ngày 25/6/2022 để kịp thời tổng hợp, xây dựng kế hoạch ngành gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Nhận được công văn này, đề nghị các đơn vị khẩn trương thực hiện theo đúng thời gian quy định.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Lưu: VT, KHTC.
- (Đính kèm phụ lục)*

GIÁM ĐỐC

Trần Quang Hiền

Phụ lục 1
ĐỀ CƯƠNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2023
(Ban hành kèm theo công văn số /SYT-KHTC ngày / /2022 của Sở Y tế An Giang)

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM
VÀ KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢ NĂM 2022**

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

1. Nêu lên những tồn tại đầu kỳ trước khi xây dựng kế hoạch 2022
2. Những kết quả chủ yếu đã đạt được trong 6 tháng đầu năm 2022

II. DỰ BÁO KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢ NĂM 2022

1. Những hạn chế, khó khăn tiếp tục giải quyết đến cuối năm 2022
2. Dự báo khả năng thực hiện kế hoạch năm 2022
3. Những giải pháp chủ yếu để thực hiện 6 tháng cuối năm 2022

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2023

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG

II. ĐÁNH GIÁ NHỮNG KHÓ KHĂN TRƯỚC KHI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2023

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2023

1. Mục tiêu chung
2. Các chỉ tiêu cơ bản năm 2023

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

V. DỰ TOÁN KINH PHÍ

Phụ lục 2

Chỉ tiêu cơ bản ngành Y tế năm 2023

(Ban hành kèm theo công văn số /SYT-KHTC ngày / /2022 của Sở Y tế An Giang)

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	TH 2021	Ước TH 2022	KH 2023
1	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%			
2	Số giường bệnh trên 10.000 dân (không tính TYT)	Giường			
	<i>Trong đó: - Công lập</i>	<i>Giường</i>			
	<i>- Tư nhân</i>	<i>Giường</i>			
3	Dân số trung bình (*)	Người			
4	Tỷ lệ tăng dân số	%			
5	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai / 100 bé gái			
6	Số bác sỹ trên 10.000 dân	Người			
	<i>Trong đó: Công lập</i>	<i>Người</i>			
7	Số dược sỹ ĐH trên 10.000 dân	Người			
	<i>Trong đó: Công lập</i>	<i>Người</i>			
8	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 01 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống)	‰			
9	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 05 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống)	‰			
10	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi) (**)	%			
11	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (chiều cao/tuổi) (**)	%			
12	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã (theo Quyết định 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế)	%			
13	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%			
14	Tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sỹ làm việc (***)	%			
15	Tỷ lệ chất thải y tế của bệnh viện được xử lý đạt quy chuẩn	%			